

NGHĨ VỀ NHỮNG MÙA XUÂN NGÀY TẾT CỦA NGƯỜI HÀ NỘI

trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp

ĐỖ HUY

Tôi là người Hà Nội đã cùng với gia đình và những người thân tản cư ra vùng tự do suốt trong những năm kháng chiến chống Pháp và cũng đã trở về thủ đô sau ngày Hà Nội được hoàn toàn giải phóng. *Tạp chí Di sản văn hoá* đề nghị tôi ghi lại những kỷ ức về những mùa xuân ngày tết trong thời kỳ chiến tranh ác liệt ấy để ôn nhớ những năm tháng không thể quên của người dân Hà Thành đã cùng cả dân tộc giữ trọn lời thề độc lập trước Quảng trường Ba Đình vào ngày 2/9/1945 lịch sử.

Hà Nội từ cuối năm 1946 đến tháng 10 năm 1954 được gọi là vùng địch kiểm soát. Người Hà Nội ra khỏi vùng địch kiểm soát trong thời gian này được gọi là những người ở vùng tự do trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Mùa đông năm 1946, Hà Nội gồng mình sống những ngày căng thẳng của những tháng cuối cùng năm Bính Tuất, khi thực dân Pháp hàng ngày khiêu khích, gây hấn ở khắp nơi trong thành phố. Người Hà Nội lúc đó can đảm, bình tĩnh tránh những âm mưu hiểm độc của kẻ thù và đảng hoàng chuẩn bị cho cái tết Đinh Hợi sắp tới. Đúng 8 giờ tối ngày 19/12/1946, đèn trong nhà và ngoài đường phố Hà Nội vụt tắt. Sau đó là những tiếng súng lớn từ phía Tây Nam, Đông Nam, phía Pháo đài Láng, vùng Phà Đen ven sông Hồng nổ vang dội, cùng với những tiếng súng nhỏ rền vang khắp mọi nơi trong thành phố. Người Hà Nội biết thời điểm mình rời khỏi thủ đô đã đến. Và, mỗi người dân Hà Nội biết mình phải làm gì khi quân thù gây hấn.

Dưới ánh chớp đạn đan chéo trên đầu, những dòng người gồm trẻ em, các cụ già tay xách những

bao nhỏ và những chiếc túi con vừa vợ vội ở nhà vội vã ùa về các cửa ô tìm đường ra vùng tự do đi kháng chiến. Trong ý nghĩ của người Hà Nội lúc đó, tản cư là đi kháng chiến và tản cư khỏi Hà Nội là ra đi kháng chiến. Những thanh niên trai tráng, những người mạnh khỏe đã nghe theo lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Cụ Hồ: Có súng dùng súng, có gươm dùng gươm, có dao, mác, gậy, cuốc, thuổng và lòng yêu nước... đã vươn ra trận tiền mặt đối mặt với kẻ thù. Người Hà Nội đã đón tết Đinh Hợi trong lửa đạn và trong hành trình tản cư đi kháng chiến.

Ở giữa chiến hào, trên những ngã ba, ngã tư, ngã năm đường phố, người Hà Nội đón tết Đinh Hợi (1947) trong tư thế đặt trên vai khẩu badôca Trần Đại Nghĩa, hai tay ghì chặt quả bom ba càng xông thẳng vào mũi xe tăng địch, miệng hát vang bài thơ chúc tết của cụ Hồ đã được phổ thành nhạc: "Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió. Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông... chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng, tiến lên chiến sĩ đồng bào! sức ta đã mạnh, người ta đã đồng...". Xuân Đinh Hợi giữa Hà Nội bão lửa có một cuộc hội ngộ kỳ thú của bà con ngoại thành với những chiến sĩ, những anh tự vệ, những chị cứu thương nội đô. Luồn lách qua những ngôi nhà đổ nát, dưới làn đạn giữa hai chiến tuyến, bà con ngoại thành đã mang những chiếc bánh chưng xanh, những đĩa chè kho - đặc sản của tết Hà Nội, những nồi thịt nấu đông tiếp tế cho các trận địa. Bà con ở vùng Nhật Tân, vùng Thanh Trì không quên mang vào thành phố những cành đào và những đoá hồng trao tận tay những chiến binh đang giữ từng ngõ hẻm của thủ đô. Thú vị hơn, những bà con

Hoa kiêu, Ấn kiêu đã gửi từng thùng cam, từng xe bánh tặng cho các chiến sĩ trên trận địa. Vừa ăn tết đón xuân họ vừa đọc thư động viên của nhân dân khắp nơi gửi tới. Ngày tết năm đó, Cụ Hồ đã gửi thư cho các chiến sĩ cảm tử quân thủ đô, hỏi thăm và động viên các chiến sĩ trung đoàn thủ đô. Cụ tôn vinh "các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho tổ quốc quyết sinh".

Người Hà Nội tản cư đi kháng chiến đã đón tết Đinh Hợi (năm 1947) trên những nẻo đường lên Việt Bắc, ra khu Ba vào khu Bốn... về với những vùng quê còn cách xa mặt trận. Gần thì họ đến Vân Đình, chợ Cháy, cống Thần, chợ Đại; xa hơn chút nữa họ đến Đống Năm, Thái Bình, Sêu, Đặng, cầu Trầm, chợ Bến Đầm Đa. Xa hơn nữa, có người theo các cơ quan chính phủ Trung ương đến Việt Trì, Phú Thọ, Tuyên Quang... Có người thì đón xuân Đinh Hợi trong những túp lều tranh, quán nước, các đình, chùa, am, miếu bỏ hoang bên đường. Có người đón xuân Đinh Hợi cùng với các bà con nông dân ở các vùng quê mình vừa tới.

Có thể nói, đối với người Hà Nội, xuân Đinh Hợi (1947) là một mùa xuân đầy thử thách. Đó là một mùa xuân đảo lộn cả nếp sống lẫn lối sống truyền thống đã tồn tại ngàn năm của người Hà Thành. Họ bỏ lại đằng sau những tết đón giao thừa trên bàn thờ tổ tiên đầy uy nghi, hương khói. Họ không đến từng nhà chúc tết nhau trong những bộ y phục sang trọng. Họ không mừng tuổi nhau bằng những đồng tiền dành dụm quanh năm. Họ không chuẩn bị những món ăn, những mâm ngũ quả và những đặc sản ngày tết. Họ bỏ lại tất cả tài sản, cơ nghiệp đã tích lũy được từ bao đời để ra đi kháng chiến.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta ngày càng trở nên quyết liệt hơn. Sau gần một năm định cư, những người Hà Nội đến vùng tự do đã nghe theo lời kêu gọi của cụ Hồ đối với đồng bào tản cư. Trong dịp xuân Đinh Hợi, tản cư nghĩa là tham gia kháng chiến, tản cư phải tăng gia sản xuất, tản cư phải ra sức tuyên truyền cho cuộc kháng chiến. Những nhà thương nghiệp thì phải lưu thông hàng hoá, những trí thức thì phải đem học vấn của mình giúp vào việc văn hoá. Những người có nghề thì phải tổ chức công nghệ, công nhân thì phải đến liên đoàn lao động để tổ chức sản xuất. Mỗi người tản cư "đã quyết hy sinh vì nước, bỏ hết nhà cửa, của cải mà tản cư thì cần giữ vững và duy trì tinh thần đó" (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, tr. 50). Nhiều gia đình người Hà Nội dù sống ngay những vùng giáp ranh thủ đô lúc đó,

như Hà Đông, Hà Nam, Hà Bắc, Hoà Bình hay xa hơn là theo các cơ quan của chính phủ Trung ương lên ATK, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ... đều ra sức tăng gia sản xuất, không ai ăn không ngồi rồi.

Đến những ngày cuối năm Đinh Hợi, thực dân Pháp đã mở cuộc tấn công lớn đánh lên Việt Bắc. Chúng đã đánh đến Tuyên Quang, Chiêm Hoá, Thái Nguyên, Bắc Kạn, nhảy dù xuống chợ Mới, chợ Đồn, chợ Chu, Đại Từ, Vũ Nhai... nơi đồng bào Hà Nội vừa tản cư tới, cũng vừa "an cư định lạc nghiệp" thì một lần nữa lại ly tán, loạn lạc: cha lạc con, vợ lạc chồng, anh em lạc nhau cứ vào rừng sâu, núi cao mà ẩn nấp suốt hai tháng rưỡi từ ngày 7/10/1947 đến 22/12/1947. Giặc vừa rút chạy thì xuân Mậu Tý (1948) cũng vừa tới.

Sau thất bại của thực dân Pháp ở Việt Bắc cuối năm Đinh Hợi, thì đầu năm Mậu Tý, ở đồng bằng, chúng đã thực hiện chiến thuật "vết dầu loang" lấn sâu vào vùng tự do chung quanh Hà Nội. Nghe theo lời kêu gọi của Cụ Hồ "Phá hoại để kháng chiến", người ta thấy người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến đã tham gia nhiều hơn vào công việc kháng chiến. Nhiều người đã nhập ngũ, đã vào quân đội, vào các cơ quan công an, binh công xưởng. Nhân dân thì tham gia phá hoại đường xá để ngăn xe quân địch lấn sâu vào vùng tự do. Không ít người đã tham gia đội cứu thương, dạy bình dân học vụ... Có thể nói, mùa xuân năm Mậu Tý đối với người Hà Nội trong vùng tự do thời chống Pháp là một mùa xuân trải nghiệm. Họ đã tham gia nhiều hơn vào cuộc kháng chiến. Họ có quyết tâm nhiều hơn và cũng có những suy tư nhiều hơn trước những khó khăn của cuộc sống. Cả hai luồng gió lớn đều thổi vào gia đình những người Hà Nội tản cư trong vùng tự do thời chống Pháp vào năm Mậu Tý sau cuộc tấn công của thực dân Pháp lên Việt Bắc... Có một luồng gió mang lại tin tưởng ngày thắng lợi của cuộc kháng chiến có thể kết thúc sớm, có một luồng gió làm cho nhiều người tin rằng, cuộc kháng chiến rất gian khổ và còn lâu dài.

Hiểu rõ tâm tư của nhân dân, của đồng bào tản cư trước những thử thách lớn đang đặt ra trước năm mới sau khi giặc Pháp tấn công lên Việt Bắc cuối năm Đinh Hợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi tới nhân dân cả nước, tới đồng bào Hà Nội tản cư trong vùng tự do lúc đó ba thông điệp lớn. Một là, Cụ đã viết tác phẩm *Việt Bắc anh dũng* tổng kết cuộc chiến đấu lớn và thắng lợi rất lớn của nhân dân ta trong



trận đánh hai tháng rưỡi cuối năm 1947 ở Việt Bắc. Hai là, tết Mậu Tý, Cụ đã gửi bài thơ chúc tết khẳng định rằng, khi "Toàn dân đại đoàn kết. Cả nước dốc một lòng, thống nhất chắc chắn được, độc lập quyết thành công". Ba là, ngay ngày rằm tháng Giêng năm Mậu Tý, Cụ đã viết bài *Nguyên tiêu* không chỉ để báo cáo với đồng bào Cụ đang rất khoẻ, bàn bạc việc quân trên đường đi đánh giặc mà còn nhắc nhở mọi người về tình yêu lớn với thiên nhiên, với tổ quốc ngàn năm của cha ông.

Rõ ràng là, vào những ngày cuối năm Đinh Hợi, chúng ta đã thắng lợi lớn, kết thúc giai đoạn phòng ngự, chuyển sang giai đoạn cầm cự, mở ra một cục diện mới cho cuộc kháng chiến vào năm Mậu Tý nhưng Cụ Hồ vẫn đầy suy tư trước việc lòng dân còn chưa yên về ngày toàn thắng. Giai đoạn cầm cự sẽ kéo dài bao lâu? Rồi giai đoạn tổng phản công còn kéo dài bao lâu nữa? Đúng là Cụ Hồ rất hiểu lòng dân, hiểu suy tư của đồng bào đi tản cư mong sớm trở lại nơi chôn nhau cắt rốn. Ba thông điệp trên đã tác động rất lớn vào những suy nghĩ của người Hà Nội trong vùng tự do lúc đó. Họ thấy ta thắng lớn ở Việt Bắc, họ phấn khởi, tin tưởng. Họ đọc Thư chúc tết Mậu Tý của Cụ Hồ, họ tăng thêm quyết tâm. Họ thường ngao bài *Nguyên tiêu* của Cụ, nhìn trăng trên trời, họ nhớ nhau, nhớ Hà Nội da diết và tăng thêm lòng yêu tổ quốc. Tin tưởng, quyết tâm và tình yêu Hà Nội, yêu tổ quốc hiện lên giữa xuân Mậu Tý một thực trạng, người Hà Nội mưu sinh bằng gì? Trải một năm sóng gió và gian khổ, họ trải nghiệm, họ tìm tòi và họ lựa chọn. Thực tế, đến mùa xuân năm Mậu Tý là mùa xuân trải nghiệm và lựa chọn của không ít gia đình người Hà Nội tản cư đi kháng chiến. Có gia đình đã tin tưởng, đã quyết tâm và tình yêu Hà Nội lớn mạnh trong họ, họ đã tìm kế mưu sinh lâu dài hơn trong vùng tự do. Họ mở những quán bán hàng ăn, những gánh hàng xén, những lều bán nước, có gia đình vỡ đất tăng gia, chăn nuôi trồng trọt. Ngược lại, cũng có gia đình đã trở lại thủ đô, nơi có quân giặc đang chiếm đóng.

Mùa xuân năm Mậu Tý mở đầu cho những thay đổi lớn lao của cuộc kháng chiến chống Pháp và hầu như kết thúc cuộc trải nghiệm và lựa chọn đầu tiên của một bộ phận người Hà Nội ra vùng tự do từ mùa xuân Đinh Hợi. Guồng máy của cuộc kháng chiến chống Pháp vẫn âm ỉ chuyển động trên mọi lãnh vực quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao, giáo dục... Đến năm Kỷ Sửu (1949), một bộ phận người Hà Nội tản cư bắt đầu ăn cái tết thứ ba trong

vùng tự do. Có người ăn tết ở vùng Việt Bắc, có người ăn tết ở vùng Thanh Hoá, những nơi có các cơ quan của chính phủ tản cư tới. Một bộ phận rất đông người Hà Nội vẫn còn ăn tết ở những tỉnh đồng bằng Bắc Bộ quanh Hà Nội. Mùa xuân Kỷ Sửu, sau hai năm định cư, người Hà Nội đã chuẩn bị chu đáo một cái tết tương đối linh đình. Nhiều nhà gói bánh chưng, kho cá, nấu chè chuẩn bị cho một cái tết hai năm xa Hà Nội. Tết năm đó thực dân Pháp đã mở cuộc tấn công lớn trên đồng bằng Bắc bộ. Chúng đã theo đường số 1 tiến tới Phủ Lý và một cánh quân khác đi về phía Vân Đình, dọc sông Đáy đến chợ Giàu (Kim Bảng) tạo thành một vòng vây lớn quanh Cháy, cống Thần, chợ Đại, chợ Giầu... Người Hà Nội đã bỏ lại tất cả những món ăn ngày tết vừa chuẩn bị, đi tìm lối thoát khỏi vòng vây giặc. Tiếng súng nổ âm vang, tiếng xe tăng gầm rú, nhiều gia đình đã lạc nhau trong cái mùa xuân Kỷ Sửu định mệnh ấy. Có gia đình trong đêm giá rét đã vượt được sông Đáy bằng những chiếc bè tự tạo, được ghép từ những thân cây chuối mọc trong vườn nhà đồng bào địa phương hoặc nhặt nhạnh những cây tre, cây nứa ghép thành chiếc mảng để qua sông giữa đêm giao thừa rét buốt thấu xương. Một bộ phận khác của người Hà Nội đã bị địch lừa trở lại thủ đô.

Có thể nói, đối với nhiều gia đình đồng bào Hà Nội tản cư ra vùng tự do, mùa xuân Kỷ Sửu, là mùa xuân ly tán lần thứ hai sau mùa xuân Đinh Hợi. Kê mất, người còn giữa một mùa đông giá rét, kẻ ở, người đi giữa cái hỗn loạn trong vùng đồng chiêm giữa vòng vây của địch. Mùa xuân năm Kỷ Sửu, ở đồng bằng Bắc Bộ, nhiều vùng tự do đã trở thành những vùng du kích, vùng xôi đỗ cài răng lược. Có vùng giặc kiểm soát ban ngày, ta kiểm soát ban đêm. Trước tình thế cài răng lược ấy, nhiều gia đình người Hà Nội có quyết tâm đi kháng chiến, đã tìm đường lên Việt Bắc, đã vào khu Bốn, ra khu Ba. Họ đến kinh đô Hoa Lư, đến Lam Kinh, Phủ Quảng, Kim Tân, thành nhà Hồ, bến đò Cổ Tế. Họ đã trú ngụ vào những ngày tết ở các đình, các chùa, các miếu, các di tích bỏ hoang.

Trải ba mùa xuân trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp, nhiều gia đình người Hà Nội chưa từng được đón một mùa xuân nào yên ổn. Sau cái tết Kỷ Sửu, trên đường tìm nơi yên ổn nhất để sinh cơ, lập nghiệp, đâu đâu người ta cũng thấy có những khẩu hiệu "toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến", "trường kỳ kháng chiến", "ra sức tăng gia sản xuất", "thực túc binh cường". Kể từ cuối năm

Mậu Tý đến đầu năm Kỷ Sửu, khẩu hiệu “kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hoá kháng chiến” đã tạo ra một nhận thức mới hơn, sâu hơn là người Hà Nội đến vùng tự do, đi tản cư là đi kháng chiến, không phải đi trú ẩn giặc. Người Hà Nội lúc đó hiểu thêm câu nói của Cụ Hồ gửi đồng bào tản cư: “đi tản cư cũng là kháng chiến” tức là phải lao động đổ mồ hôi để giúp việc kháng chiến. Đi tản cư cũng phải tăng gia sản xuất. Từ những khẩu hiệu đó, người Hà Nội đi tản cư đã nhận thức rằng, muốn ngày trở về thủ đô sớm hơn thì mình phải tích cực tăng gia sản xuất. Cụ Hồ nói: “Con cháu Lạc Hồng bao giờ cũng quật cường, không bao giờ sợ khổ” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, Thư gửi đồng bào tản cư, tr. 50).

Thư chúc tết của Cụ Hồ xuân Kỷ Sửu (1949) làm tăng thêm nhiệt huyết của đồng bào Hà Nội tản cư trong việc tham gia lao động để nuôi sống mình và phục vụ kháng chiến. Xuân Kỷ Sửu (1949), trong cục diện chiến tranh mới, cần động viên sức người, sức của, đẩy mạnh giai đoạn cầm cự để chuẩn bị tốt cho giai đoạn tổng phản công, Cụ Hồ đã phát động phong trào “người người thi đua, ngành ngành thi đua”. Phong trào thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua đã mang lại sức sống mới cho đồng bào Hà Nội quyết tâm đi theo kháng chiến dù gặp nhiều gian nan, khổ sở. Với phong trào ấy, mùa xuân Kỷ Sửu đã mang lại cho người Hà Nội đi kháng chiến những bộ mặt mới. Đi khắp nẻo đường kháng chiến trong mùa xuân Kỷ Sửu, người ta thấy xuất hiện rất nhiều người chỉ huy quân sự tài ba, những giám đốc binh công xưởng thông minh, những thầy giáo dạy giỏi, những học sinh học giỏi, những văn nghệ sĩ, những thương gia, những đoàn dân công hoả tuyến... đều là người Hà Nội.

Từ mùa xuân Kỷ Sửu, có thể nói, người Hà Nội trong vùng kháng chiến đã thực sự tham gia rất sâu vào vận hành bộ máy của cuộc kháng chiến, đóng góp sức lực to lớn cho nó chuyển động mạnh mẽ. Ở bất cứ lĩnh vực nào, mặt trận nào, người ta cũng nhận diện được cái hào hoa, thanh lịch, cái nỗ lực phi thường của người Hà Nội trong guồng máy của cuộc kháng chiến chống Pháp đang âm thầm chuyển động. Họ bắt đầu tổ chức những hình thức lao động mới trong kháng chiến. Họ sáng tạo những hoạt động văn hoá mới. Sản xuất nông công nghiệp của những người Hà Nội tham gia kháng chiến có những hiệu quả mới phát triển kinh tế trong vùng tự do.

Mùa xuân năm Kỷ Sửu, trong hình thái chiến tranh mới, Cụ Hồ thông cảm sâu sắc với đồng bào bị địch lừa vào vùng chiếm đóng, cụ đã gửi thư chúc tết và động viên đồng bào đoàn kết chặt chẽ, giữ vững tinh thần giúp đỡ chiến sĩ ta sẵn sàng tiêu diệt địch. Trong thư có những đoạn viết rất cảm động: “Nhân dịp Nguyên đán năm Kỷ Sửu, tôi nhân danh Chính phủ, quân đội và đồng bào toàn quốc gửi lời thân ái chúc các đồng bào năm mới. Trong ngày trời xuân tươi ấm, tết nhất vui vẻ, đại gia đình Việt Nam ở vùng tự do sum họp vui vầy, để tưởng nhớ đến tổ tiên và hân hoan cùng con cháu, tôi ngậm ngùi nghĩ đến đồng bào... mắt tôi như trông thấy các cụ tuổi cao tóc bạc đang đau xót, tức giận trước một cảnh tượng điêu tàn. Mắt tôi như trông thấy những gia đình túng thiếu khổ sở đã vất vả và vế vật chất, càng cay đắng về tinh thần. Mắt tôi như trông thấy các cháu nam nữ thanh niên đau xót hoặc bị truy lạc, hoặc bị giày vò đang ngóng đợi ngày mai tươi sáng. Mắt tôi như thấy các cháu nhi đồng đang run rẩy bồi hồi như những đàn chim non bị mưa sa gió bão. Tôi rất đau lòng thương xót đồng bào tạm lâm vào hoàn cảnh ấy, vì lũ thực dân hung ác, nhưng một phần cũng vì tôi, người phụ trách số phận đồng bào, chưa trực tiếp xua đuổi được loài thú dữ và cứu vớt ngay đồng bào ra khỏi địa ngục thực dân” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, tr. 560).

Lá thư chúc tết đồng bào trong vùng tạm bị địch chiếm vào tết Nguyên đán năm Kỷ Sửu (1949) đã gây một tiếng vang lớn cho đồng bào Hà Nội ở vùng tự do thêm tự hào, thêm an tâm, thêm quyết tâm đi kháng chiến đến ngày thắng lợi.

Tết Kỷ Sửu (1949), người Hà Nội trong vùng tự do tuy thiếu thốn về vật chất, vất vả trong lao động, nhưng là một cái tết đánh dấu sự trưởng thành của mỗi người, sự thay đổi lối sống và nhịp sống cho phù hợp hơn với sự vận động mạnh mẽ của cuộc kháng chiến đang tích cực chủ động, tích lũy lực lượng để mở những trận chiến đấu lớn hơn tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng thêm nhiều vùng tự do mới.

Vào cuối năm Kỷ Sửu, sau thất bại trong chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, thực dân Pháp đã cầu cứu đế quốc Mỹ và thi hành một chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Chúng mở rộng lấn chiếm ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ, phong toả biên giới, bao vây căn cứ địa Việt Bắc, tăng cường phòng thủ đồng bằng Bắc Bộ. Cũng vào những tháng cuối năm đó,



cuộc cách mạng của nhân dân Trung Quốc thành công. Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Trung Hoa ra đời. Từ năm 1950 trở đi, nhân dân ta đón tết Canh Dần trong không khí của hình thái chiến tranh từ thế cầm cự đang chuyển mạnh sang thế phản công tích cực để tiến tới tổng phản công. Trong tình hình ấy, thơ chúc tết Canh Dần của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Kính chúc đồng bào năm mới. Mọi người càng thêm phấn khởi. Toàn dân xung phong thi đua, đẩy mạnh cuộc chuẩn bị tới chuyển mau sang tổng phản công..."

Trong ký ức người Hà Nội, xuân Canh Dần là một mùa xuân nhiều khó khăn, nhưng cũng rất nhiều thuận lợi, mọi người đều phải tích cực thi đua hơn nữa, tích cực tăng gia sản xuất nhiều hơn nữa để chuyển mạnh sang thế tổng phản công. Xuân Canh Dần là một mùa xuân chuẩn bị để đập tan âm mưu can thiệp của đế quốc Mỹ. Ở đồng bằng Bắc Bộ, quân và dân ta ra sức mở rộng vùng tự do, phá hoại tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự của địch, diệt đồn, phá tế. Ở biên giới, chúng ta mở chiến dịch biên giới. Ở trung du, chuẩn bị tấn công quân giặc. Xuân Canh Dần đối với người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp là một mùa xuân chuẩn bị mọi lực lượng cho những cuộc chiến đấu mới ở Hoà Bình, ở biên giới và rào rạt niềm tin vào những thắng lợi của các mặt trận. Xuân Canh Dần là một mùa xuân của sự nỗ lực chuẩn bị sản xuất tốt hơn, nhiều hơn với khẩu hiệu toàn dân canh tác, bốn mùa canh tác. Xuân Canh Dần là mùa xuân tiết kiệm, tích lũy lương thực. Mọi hoạt động đều chuẩn bị cho các cuộc phản công của quân đội và nhân dân ta sắp tới.

Kết quả là, năm Canh Dần, nhân dân ta đã thắng to ở chiến dịch Cao - Bắc - Lạng, giải phóng Đông Khê, Thất Khê, Lào Cai, mở toang biên giới Việt Trung, giải phóng Hoà Bình nối liền khu Ba, khu Bốn với Việt Bắc. Hình thái chiến tranh vào năm Canh Dần ở nước ta vô cùng sáng sủa. Sau chiến thắng biên giới vào những ngày cuối của năm Canh Dần, quân và dân ta chuẩn bị gấp gáp, thừa thắng tiến lên giải phóng trung du để tiến về đồng bằng, nếu chiến dịch biên giới được gọi là chiến dịch Lê Hồng Phong thì chiến dịch trung du được gọi là chiến dịch Trần Hưng Đạo. Chiến dịch này bắt đầu từ ngày 25/12/1950 đến ngày 17/01/1951. Khi hàng vạn đồng bào Hà Nội tản cư ra vùng Việt Bắc, trung du, đồng bằng vừa đi dân công phục vụ chiến dịch trở về gia đình thì tết Tân Mão năm 1951 cũng vừa đến.

Tết Tân Mão năm 1951, đối với đồng bào Hà Nội tản cư trong vùng kháng chiến là cái tết thứ năm xa thủ đô. Đến những ngày xuân này, nỗi nhớ thủ đô vô cùng da diết. Mùa xuân năm 1951 là mùa xuân "chuẩn bị tổng phản công". Từ ngày 11/2/1951 đến ngày 19/2/1951, tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp, vừa là để đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam, vừa để ra những quyết sách mới, để kịp thời hơn cho cuộc chuẩn bị tổng phản công. Báo cáo chính trị của Cụ Hồ tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng khẳng định rằng, chúng ta đang chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Cụ nói rằng, để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn thì chúng ta phải phát triển mạnh mẽ tinh thần yêu nước nồng nàn của toàn dân, bởi vì đó là một nguồn lực, một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ ngàn xưa đến hôm nay, khi nào tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi lên, kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Ngày hôm nay, tinh thần yêu nước Việt Nam không phải là tinh thần vị quốc của bọn tay sai mà nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế. Những người đi kháng chiến thấm nhuần tinh thần yêu nước kiểu mới sẽ góp công, góp sức tích cực cho cuộc chiến đấu sắp tới của dân tộc.

Trong khí thế chuẩn bị phản công của nhân dân ta ở dưới mặt đất, kẻ thù đã điên cuồng dùng không quân đánh phá liên tục và rất dữ dội vào các vùng tự do của chúng ta: Hàng ngày, từ mờ sáng cho đến chiều tối, máy bay địch luôn luôn quần thảo trên những quốc lộ bắn phá các khu dân cư, dội bom trên những bến sông, cầu, phà. Mùa xuân năm Canh Dần và mùa xuân năm Tân Mão (1950 - 1951), người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến đã gồng mình chống trả những trận oanh tạc của kẻ thù. Nhưng, người Hà Nội đã đào thêm những chiếc hầm tránh bom địch không chỉ quanh nơi mình cư trú mà họ còn tham gia đào những chiếc hầm hàm ếch bên các quốc lộ để đồng bào vắng lai trú ẩn bom đạn giặc. Trên dọc các quốc lộ, các tỉnh lộ trong khắp các nẻo đường kháng chiến vào mùa xuân năm Canh Dần (1950) và mùa xuân Tân Mão (1951), cứ chiều tối đến, người ta gặp những người Hà Nội tay xẻng, tay cuốc, tay thuổng cần mẫn trong đêm tối khoét đất, đào hầm không một ngọn đèn chiếu sáng. Từ ngày rời khỏi thủ đô

cho đến mùa xuân Tân Mão là vừa đúng 5 năm, người Hà Nội chưa từng thắp một ngọn đèn điện trong đêm... Ở vùng tự do trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, không có đèn điện. Mọi nhà đều dùng đèn nhỏ thắp bằng dầu Tây. Học sinh đều học bằng chiếc đèn dầu Tây mà ta thường gọi là đèn Hoa Kỳ. Đèn Hoa Kỳ của học sinh trong vùng kháng chiến rất đặc biệt, đó là một chiếc lọ như lọ mực, có một chiếc bấc ở giữa. Thông phong là một chiếc chai thủy tinh đã cắt đứt và cắt một phần cổ. Đế của chiếc đèn là một miếng gỗ dùi hai lỗ, luồn giây thép để xách. Học sinh đặt lọ dầu lên cái đế và luồn cái chai đã cắt đứt và cắt cổ qua chiếc quang dây thép mà xách đi học trong đêm tối. Những người đào hầm ban đêm cũng có thể dùng chiếc đèn ấy để soi những nhát cuốc, nhát xẻng mình khoét đất. Nếu có tiếng máy bay địch thì thổi cho đèn tắt.

Mùa xuân Canh Dần và mùa xuân Tân Mão (1950 - 1951) người Hà Nội đón xuân dưới mưa bom, bão đạn của những cuộc oanh tạc bằng không quân của kẻ thù. Trong khí thế phấn khởi của cuộc chiến, nhiều gia đình người Hà Nội định cư ở khắp nơi trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp, họ đã nghĩ đến ngày trở về thủ đô đang tới gần. Họ lần đầu tiên trong 5 năm đi kháng chiến, có dự định ăn một cái tết kháng chiến mừng chiến thắng biên giới, mừng chiến thắng hoà bình, mừng chiến thắng trung du, thực tế là chiến thắng của vùng đồng bằng và mừng ngày Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ II vừa khai mạc.

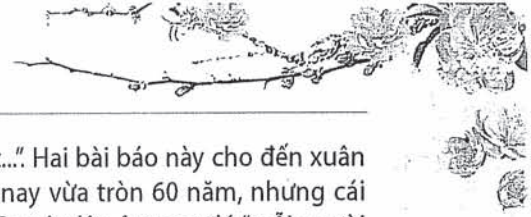
Chợ tết cũng như chợ thường ngày ở vùng tự do thời kỳ kháng chiến chống Pháp đều họp ban đêm, bắt đầu từ xẩm tối để tránh máy bay địch. Người đi chợ mua bán đều có đèn xách tay và phải đi bộ nhiều cây số; chợ ngày tết khác chợ ngày thường ở những gánh lá dong, những bó giang dùng để chẻ thành lạt, những con gà sống thối và những thúng gạo nếp. Cái tết năm Canh Dần (1950) cũng như năm Tân Mão (1951), người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến đã chuẩn bị một nồi chè kho nấu bằng đậu xanh, gạo nếp với mật hoặc đường đen, chuẩn bị nồi cá chép kho với riềng và nước hàng đỏ. Một số gia đình đã ăn hai cái tết này bình yên trong vùng tự do ở Thanh Hoá, Vinh, khu Bốn thời kháng chiến. Tuy vậy, không ít gia đình ở Việt Bắc, ở trung du, ở khu Ba đang chuẩn bị đón xuân thì máy bay giặc ập tới. Chúng ném bom Napan, phá thiêu trụi cả nhà cửa và những món ăn ngày tết. Có gia đình có người tử vong phải kịp chôn cất trong ngày. Nhiều gia đình trong vùng

giáp ranh thì chạy giặc đi càn ngày tết.

Có thể nói, cái tết Canh Dần (1950) và cái tết Tân Mão (1951) đối với người Hà Nội trong vùng tự do thời kỳ kháng chiến chống Pháp là một cái tết định cư dưới mưa bom, bão đạn của không quân địch. Khi mà cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn tích cực chuẩn bị tổng phản công. Do là những cái tết tuy gian khó nhưng nhiều tin tưởng với thắng lợi của quân dân thì khắp các mặt trận (mặt trận giáo dục, mặt trận văn hoá, mặt trận kinh tế, nhất là mặt trận quân sự), người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến biết chắc chắn ngày trở về thủ đô của mình không còn xa, bởi vì chính họ, con em họ đã nỗ lực góp phần vào những thành tựu của những mặt trận đó.

Người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp nhớ rất rõ từ các mùa xuân Đại hội Đảng lần thứ II (năm 1951) trở về sau, trong tâm thức của mỗi người thì họ đang tham gia vào các mặt trận. Họ đi học, họ đi dạy học, họ đang là chiến sĩ trên mặt trận giáo dục. Họ sáng tác văn nghệ, tuyên truyền cho nếp sống mới, họ đang là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, văn nghệ. Họ đi buôn bán, lưu thông hàng hoá từ các cửa khẩu từ vùng kháng chiến, họ là chiến sĩ trên mặt trận kinh tế. Và, dĩ nhiên là họ đi đánh giặc, họ là chiến sĩ trên mặt trận quân sự. Họ đi dân công ra hoà tuyến làm đường xá cho xe đi, họ là chiến sĩ trên mặt trận giao thông vận tải... Có thể nói, mùa xuân năm 1950 và mùa xuân năm 1951 đã mang lại rất nhiều sức sống mới, nhân sinh quan mới, lối sống mới cho những người Hà Nội trong vùng tự do thời kỳ chống Pháp. Nhiều người nói, xuân Tân Mão (năm 1951) là xuân gian khổ nhưng rất vui.

Mùa đông năm 1950 và mùa xuân năm 1951, giặc Pháp đã đại bại chưa từng có trong toàn bộ lịch sử chiến tranh thuộc địa ở Việt Nam... Năm tỉnh (Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Thái Nguyên, Hoà Bình) đã liên tiếp được giải phóng. Kế hoạch của Đờlat đờ Tatxinhì dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh đã ném mùi thất bại và bắt đầu tan thành mây khói. Trong không khí phấn khởi ấy, người Hà Nội đón tết Nhâm Thìn (năm 1952) trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp với một tâm trạng hồ hởi, tin tưởng ngày trở về thủ đô đang đến gần. Trong thư chúc tết Nhâm Thìn (năm 1952), Cụ Hồ đã viết: "Xuân này xuân Nhâm Thìn kháng chiến vừa 6 năm. Trường kỳ và gian khổ. Chắc thắng trăm phần trăm...". Với lòng tin tưởng tuyệt đối vào ngày thắng lợi đang đến gần, mùa



xuân Nhâm Thìn (năm 1952), Cụ Hồ đã cho tuần báo *Vì một hoà bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân* một bài báo có nhan đề "Bọn đế quốc cướp nước không bao giờ có thể nô dịch dân tộc Việt Nam anh dũng". Bài báo đã nói về không khí tết xuân Nhâm Thìn ở Việt Nam "đúng vào tuần lễ cuối cùng của tháng Giêng... Giờ đây khắp nơi nơi là cả một bầu không khí tuyệt vời của mùa xuân. Mặt trời toả sáng, ánh sáng dịu dàng đem lại sức sống tươi vui lành mạnh. Lúa non phủ lên các cánh đồng khác nào những tấm thảm xanh rộng mênh mông hứa hẹn năm nay sẽ có ấm no được mùa. Chim chóc hót véo von ríu rít trong những bụi cây bốn mùa xanh tốt... Trong những ngày này, từ các lâu đài cho đến những ngôi nhà tranh bé nhỏ đều có tranh vẽ, những lời chúc mừng viết lên giấy đỏ dán ở cửa cổng ra vào. Ngày này những lời chúc mừng và những tranh vẽ ấy trở thành những khẩu hiệu đấu tranh và lao động, chẳng hạn như:

- Mở rộng phong trào thi đua yêu nước trên mặt trận đấu tranh chống quân thù, trong sản xuất, trong việc phát triển kinh tế.

- Kháng chiến nhất định thắng lợi!

- Đấu tranh chống bệnh quan liêu, tham ô và lãng phí!

- Công cuộc kiến quốc nhất định sẽ thu được thắng lợi.

Trong những ngày tết này, mọi người đều mặc những quần áo đẹp nhất mà họ có. Gia đình nào cũng nấu nướng sửa soạn những thức ăn ngon nhất. Người ta làm lễ trước bàn thờ tổ tiên. Bạn hữu đi chúc mừng thăm hỏi nhau. Người lớn tặng quà cho trẻ con. Nhân dân gửi tặng phẩm ủng hộ bộ đội..." (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, tr. 396 - 397). Cái tết của người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp năm Nhâm Thìn (1952) là như vậy đó.

Ở đây cũng phải nói thêm rằng, trong mùa xuân ngày tết Nhâm Thìn đây phần khởi đó, cũng có số ít gia đình người Hà Nội đã tản cư đi kháng chiến 6 cái tết, nhưng họ nhớ Hà Nội tha thiết và sức chịu đựng gian khổ của họ cũng có hạn. Họ đã "dinh tể", "không phải họ muốn phân bội. Nhưng vì họ kém lòng tin tưởng vào lực lượng tất thắng của dân tộc. Họ thiếu lòng tin vào sức chịu đựng của mình. Họ không trông thấy xa" - Cụ Hồ đã viết như vậy trên *Báo Nhân dân*, số 46, xuân Nhâm Thìn ngày 21/2/1952. Cũng trên tờ báo số này, Cụ đã viết thêm một bài nữa với nhan đề "Lòng tin tưởng để củng cố lòng tin của mọi người trong những biến động lớn

lao của thời cuộc...". Hai bài báo này cho đến xuân Nhâm Thìn năm nay vừa tròn 60 năm, nhưng cái triết lý sống mà Cụ nêu lên ở trong đó "mỗi người tin ở sức mạnh của dân tộc, tin ở sức chịu đựng của mình, kiên quyết vượt mọi khó khăn thì tương lai mới về vàng" vẫn còn nguyên tính thời sự nguyên vẹn của nó.

Cái tết Quý Tỵ (năm 1953) và cái tết Giáp Ngọ (năm 1954), người Hà Nội trong vùng tự do thời kháng chiến chống Pháp đón xuân trong giai đoạn chuyển biến rất mạnh mẽ của cục diện chiến tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp và chuẩn bị cho chiến dịch Tây Bắc diệt giặc trong trận cuối cùng ở Điện Biên Phủ.

Ở mặt trận, họ có những mùa xuân kỳ thú trên đỉnh dốc Cùn, suối Rút, Mọc Châu, đèo Pha Đin và Tuần Giáo của những đoàn dân công hoả tuyến, những đội quân điệp trùng ra trận. Ở hậu tuyến, cái mùa xuân năm 1953 và năm 1954 cũng là mùa xuân chuẩn bị phóng tay phát động quần chúng, cải cách ruộng đất. Đó là mùa xuân của những vấn đề nông dân, nông thôn và nông nghiệp. Người Hà Nội trong vùng tự do thời đó đã tham gia và đã chứng kiến những niềm vui, những thắng lợi ở các mặt trận Điện Biên Phủ cũng như mặt trận đấu tranh giải phóng giai cấp nông dân, giành lại ruộng đất cho dân cày.

Vào những năm cuối cùng của cuộc chiến tranh đó, với kế hoạch Nava, giặc Pháp không chỉ đánh lên Tây Bắc mà còn mở rất nhiều cuộc tấn công lớn ở đồng bằng, giặc Pháp không chỉ dùng bộ binh mà dùng cả không quân và tàu chiến chống phá vùng tự do. Hai cái tết cuối cùng của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ của đồng bào tản cư trong vùng tự do đã để lại rất nhiều ấn tượng buồn vui lẫn lộn. Những vấn đề ruộng đất, những vấn đề đấu tố, những cái thật và những cái giả, những phương pháp đúng và nhận thức sai đã gây nên cú sốc lớn cho nhiều gia đình đã tham gia kháng chiến 8 năm đầy gian khổ.

Năm nay, năm Nhâm Thìn, tôi cũng chỉ muốn dừng lại ký ức của mình về người Hà Nội đã sống những mùa xuân ngày tết trong vùng tự do đến năm Nhâm Thìn 1952, cách đây vừa đúng 60 năm. Còn hai cái tết, ngày xuân Quý Tỵ (1953) và Giáp Ngọ (1954) xin hẹn sang năm cũng năm Quý Tỵ và sang năm nữa cũng năm Giáp Ngọ tôi sẽ bày tỏ tiếp. □